

Số: **2403** /QĐ-UBND

Bình Định, ngày **21** tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm về
an toàn thực phẩm năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Kế hoạch số 315/KH-BCĐTUVSATTP ngày 16/4/2018 của Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về An toàn thực phẩm triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch số 402/KH-BYT ngày 10/5/2018 của Bộ Y tế triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế năm 2018;

Xét đề nghị của Sở Y tế (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về an toàn thực phẩm) tại Tờ trình số 141/TTr-SYT ngày 18/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phê duyệt tại Điều 1 theo đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể liên quan; các thành viên Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Bình Định về Vệ sinh an toàn thực phẩm; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: YT, NN&PTNT, CT (báo cáo);
- Thường trực BCĐ LNTW về VSATTP-BYT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các hội đoàn thể;
- PVP Trần Trọng Triêm;
- Lưu: VP, K6, K10, K15.



**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
LIÊN NGÀNH VỀ VSATTP TỈNH**

KẾ HOẠCH

Triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số **2103** /QĐ - UBND ngày **21** /6/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Thực hiện Kế hoạch số 315/KH-BCĐTUVSATTP ngày 16/4/2018 của Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về An toàn thực phẩm triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2018 và Kế hoạch số 402/KH-BYT ngày 10/5/2018 của Bộ Y tế triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý Bộ Y tế năm 2018; UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định (sau đây gọi tắt là Kế hoạch); cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

a) Công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm (ATTP) nhằm kiểm soát việc bảo đảm ATTP tại tất cả các khâu sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường; chú trọng hậu kiểm đối với các cơ sở có sản phẩm công bố (tự công bố, đăng ký bản công bố sản phẩm), cơ sở sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh thực phẩm. Bảo đảm mục tiêu 100% sản phẩm lưu thông trên thị trường phải được kiểm tra, giám sát 01 lần/năm về công bố sản phẩm và chỉ tiêu an toàn.

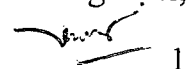
b) Thông qua công tác hậu kiểm tuyên truyền chính sách pháp luật về ATTP, trách nhiệm của cơ sở/người sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong bảo đảm ATTP, phổ biến, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

c) Công tác hậu kiểm phải ngăn chặn được cơ bản tình trạng sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm không bảo đảm an toàn; phát hiện, xử lý nghiêm túc, cá nhân vi phạm về ATTP và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

2. Yêu cầu:

a) Công tác hậu kiểm có trọng tâm, trọng điểm, tập trung hậu kiểm nhóm sản phẩm/sản phẩm thuộc diện tự công bố sản phẩm, sản phẩm nhập khẩu thuộc diện miễn kiểm tra hoặc kiểm tra giảm, sản phẩm sản xuất tại các cơ sở không được cấp một trong các giấy chứng nhận sau: GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000 và kiểm soát ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện miễn cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

b) Kết hợp hậu kiểm hồ sơ và lấy mẫu kiểm nghiệm chỉ tiêu ATTP, kiểm soát chặt chẽ hồ sơ tự công bố sản phẩm, trình tự tự công bố, phiếu kết quả kiểm nghiệm,



ghi nhãn, quảng cáo và chỉ tiêu an toàn cơ sở tự công bố/đăng ký bản công bố (hoặc các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định pháp luật cơ sở công bố áp dụng).

c) Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành chức năng có liên quan, tăng cường phối hợp từ tuyến tỉnh đến tuyến xã, phường, thị trấn để bảo đảm thực hiện hậu kiểm theo đúng các quy định của pháp luật; tránh chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng và nâng cao hiệu lực quản lý.

II. NỘI DUNG HẬU KIỂM

1. Thời gian thực hiện:

Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Kế hoạch này để xây dựng, phê duyệt kế hoạch của đơn vị, địa phương; chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác hậu kiểm về ATTP thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật đảm bảo mục tiêu, yêu cầu nêu tại Kế hoạch này trong thời gian từ tháng 6/2018 đến hết tháng 12/2018.

2. Trọng tâm nội dung hậu kiểm:

a) **Hậu kiểm về công bố sản phẩm:** Hậu kiểm việc thực hiện các quy định về tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, trình tự công bố sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

b) **Hậu kiểm về điều kiện bảo đảm ATTP:** Hậu kiểm các cơ sở thuộc diện cấp và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

c) **Hậu kiểm đối với thực phẩm nhập khẩu:** Tập trung hậu kiểm, lấy mẫu kiểm nghiệm theo thứ tự ưu tiên: Các sản phẩm thuộc diện miễn kiểm tra nhà nước về ATTP nhập khẩu quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, sản phẩm/lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra giảm, sản phẩm/lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra thông thường (đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục II, III, IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

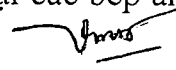
d) **Hậu kiểm về ghi nhãn sản phẩm thực phẩm:** Thực hiện theo quy định tại Chương VII Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

đ) **Hậu kiểm về quảng cáo thực phẩm:** Tập trung hậu kiểm về quảng cáo đối với các nhóm thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi thực hiện quảng cáo quy định tại Điều 26 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

e) **Hậu kiểm về sản xuất, kinh doanh và sử dụng phụ gia thực phẩm:** Thực hiện theo quy định tại Chương X Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

g) **Hậu kiểm về truy xuất nguồn gốc thực phẩm:** Thực hiện theo quy định tại Chương XI Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

h) **Hậu kiểm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố:** Tập trung hậu kiểm việc chấp hành các quy định chung về bảo đảm ATTP, các yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP; việc sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; kiểm soát bảo đảm ATTP tại các bếp ăn tập



thể khu công nghiệp, trường học, các cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, khu du lịch, lễ hội, sự kiện lớn và thức ăn đường phố.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng:

a) Ngành Y tế: Triển khai hậu kiểm về công bố, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi; hậu kiểm về tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và nhóm cơ sở quy định tại các khoản 8,9 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

b) Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Triển khai hậu kiểm về tự công bố sản phẩm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và nhóm cơ sở quy định tại các khoản 8,9 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

c) Ngành Công Thương: Triển khai hậu kiểm về tự công bố sản phẩm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và nhóm cơ sở quy định tại các khoản 8,9 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

d) UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hậu kiểm về tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục II, III, IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và theo đúng nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP quy định tại Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; hậu kiểm cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố theo phân công trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm quy định tại Điều 40 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

2. Phương pháp:

a) Quy trình chung:

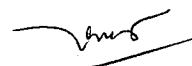
Các sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng thành lập các Đoàn hậu kiểm để tiến hành kiểm tra, thanh tra trực tiếp tại cơ sở; bảo đảm thực hiện quy trình kiểm tra, thanh tra theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Hậu kiểm tại cơ sở thực phẩm và sản phẩm thực phẩm:

b1- Đối với việc công bố sản phẩm và ghi nhãn sản phẩm:

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, trình tự công bố sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Kiểm tra nội dung ghi nhãn: Đối chiếu giữa nội dung nhãn sản phẩm đang lưu hành với nhãn sản phẩm hoặc nhãn phụ của sản phẩm bằng tiếng Việt trong hồ sơ tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm. Nội dung cụ thể thực hiện

 3

theo quy định tại Chương VII Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

+ Đối với sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng y học: Phải ghi các cụm từ "Thực phẩm dinh dưỡng y học" và "Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế";

+ Đối với sản phẩm thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt: Phải ghi cụm từ "Sản phẩm dinh dưỡng (cho đối tượng cụ thể)" trên mặt chính của nhãn để phân biệt với thực phẩm thông thường.

+ Đối với sản phẩm có sử dụng chất phụ gia thực phẩm: Thực hiện theo quy định ghi nhãn đối với thực phẩm bao gói sẵn về tên sản phẩm, thành phần cấu tạo của sản phẩm và các nội dung ghi nhãn bắt buộc theo quy định tại Chương II, Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của Liên Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công Thương Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.

+ Đối với thực phẩm chức năng: Ngoài việc phải thực hiện theo quy định ghi nhãn đối với thực phẩm bao gói sẵn về tên sản phẩm, thành phần cấu tạo của sản phẩm và các nội dung ghi nhãn bắt buộc quy định tại Chương II, Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của Liên Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công Thương; thì việc ghi nhãn thực phẩm chức năng đối với từng nhóm thực phẩm cụ thể còn phải tuân thủ quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 13, Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế Quy định về quản lý thực phẩm chức năng.

+ Đối với sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ: Việc ghi nhãn không được trái với quy định tại Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ Quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo.

b2- Đối với việc quảng cáo sản phẩm thực phẩm:

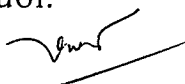
- Đối chiếu hồ sơ đăng ký quảng cáo của cơ sở với quy định của Nhà nước về đăng ký quảng cáo thực phẩm.

- Đối chiếu thực tế nội dung, hình thức quảng cáo của các tài liệu, ấn phẩm, băng hình quảng cáo với hồ sơ đăng ký quảng cáo về các nội dung: Tên sản phẩm; Số giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo, ngày cấp; Hình thức quảng cáo; Nội dung quảng cáo...

b3- Đối với điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở thực phẩm:

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và chấp hành của chủ cơ sở về điều kiện cơ sở, trang thiết bị dụng cụ; người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; quy trình sản xuất, chế biến; vận chuyển và bảo quản thực phẩm; nguồn gốc, xuất xứ, hạn sử dụng của nguyên liệu, phụ gia và thành phẩm thực phẩm; các quy định khác có liên quan đến cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và sản phẩm thực phẩm;

- Kiểm tra điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở so với các quy định chung và các quy định cụ thể của các Bộ, ngành gồm: Điều kiện cơ sở; Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ; Điều kiện về con người.



b4- Đối với thực phẩm nhập khẩu:

Lấy mẫu kiểm nghiệm theo thứ tự ưu tiên: Các sản phẩm thuộc diện miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, sản phẩm/lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra giảm, sản phẩm/lô hàng áp dụng phương thức kiểm tra thông thường (đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục II, III, IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

b5- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố:

- Kiểm tra hồ sơ hành chính, pháp lý của cơ sở: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (đối với cơ sở thuộc diện cấp giấy)/Bản cam kết bảo đảm về ATTP, Giấy xác nhận kiến thức về ATTP. Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và chấp hành của chủ cơ sở về điều kiện cơ sở, trang thiết bị dụng cụ; người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; quy trình sản xuất, chế biến; thực hành vệ sinh ATTP của nhân viên; vận chuyển và bảo quản thực phẩm; nguồn nước; nguồn gốc xuất xứ đối với thực phẩm và nguyên liệu dùng để sản xuất, chế biến thực phẩm; lưu mẫu; các quy định khác có liên quan;

- Lấy mẫu thức ăn, nguyên liệu thực phẩm để kiểm nghiệm trong trường hợp cần thiết.

3. Xử lý vi phạm:

Thông qua công tác hậu kiểm, phát hiện, ngăn chặn kịp thời vi phạm về ATTP, không để thực phẩm không bảo đảm ATTP, không rõ nguồn gốc xuất xứ, nhập lậu lưu thông trên thị trường. Kết hợp với hậu kiểm, tuyên truyền quy định xử lý hình sự đối với tội vi phạm quy định về ATTP theo Điều 317 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017, các Nghị định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính về ATTP và các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

Các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, có biện pháp xử lý quyết liệt, như: Đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về ATTP; tịch thu tang vật, tạm dừng lưu thông, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm về ATTP; áp dụng thu hồi các loại giấy chứng nhận đã cấp theo thẩm quyền; công bố công khai cơ sở vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

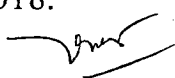
4. Công tác báo cáo:

a) Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả hậu kiểm của ngành, đơn vị, địa phương mình cho UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế, cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh về ATTP) để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về ATTP và các Bộ Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương.

b) Thời gian báo cáo:

- Báo cáo 6 tháng : Trước ngày 25/6/2018.

- Báo cáo năm 2018 : Trước ngày 25/12/2018.



IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN:

1. Nguồn kinh phí phục vụ công tác hậu kiểm về ATTP nêu tại Kế hoạch này được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh chủ động sử dụng kinh phí đã được bố trí trong dự toán ngân sách năm 2018 để triển khai thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần bổ sung kinh phí thì gửi nhu cầu kinh phí cho Sở Tài chính để thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Các đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Sở Y tế: Xây dựng Kế hoạch hậu kiểm về ATTP thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Thanh tra Sở phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai tổ chức triển khai thực hiện hậu kiểm về tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục II và nhóm cơ sở quy định tại các Khoản 8, 9 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Xây dựng Kế hoạch hậu kiểm về ATTP thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật, Thanh tra Sở phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai hậu kiểm về tự công bố sản phẩm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm, nhóm sản phẩm tại Phụ lục III và nhóm cơ sở quy định tại các Khoản 8, 9 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

c) Sở Công Thương: Xây dựng Kế hoạch hậu kiểm về ATTP thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường, Thanh tra Sở phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện hậu kiểm về tự công bố sản phẩm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm tại Phụ lục IV và nhóm cơ sở quy định tại các Khoản 8, 9 và 10 Điều 36 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

d) UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chủ động tổ chức triển khai thực hiện hậu kiểm về tự công bố sản phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, quảng cáo, lấy mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm/nhóm sản phẩm trên địa bàn quản lý; hậu kiểm cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố theo phân công, phân cấp quản lý. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này đúng theo mục tiêu, yêu cầu đề ra.



2. Các thành viên Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh về ATTP, Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này theo mục tiêu, yêu cầu đề ra.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội đoàn thể: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tích cực phối hợp với các Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương tổ chức triển khai Kế hoạch này; tổ chức giám sát việc tuyên truyền, thực thi pháp luật về ATTP; tham gia giám sát thực hiện cam kết bảo đảm ATTP của các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; tuyên truyền cho người dân tẩy chay các cơ sở thực phẩm không đảm bảo vệ sinh, các sản phẩm thực phẩm ô nhiễm, biến chất, đồng thời tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các hội đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.



Nguyễn Tuấn Thanh
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
LIÊN NGÀNH VỀ VSATTP TỈNH